

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số điều của Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày /
/2026 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý
tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số**

Căn cứ Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 78/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày / /2026 quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết điểm a khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 5, điểm a khoản 9 Điều 4 và khoản 1 Điều 7 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số (sau đây gọi tắt là Nghị định số /2026/NĐ-CP), gồm:

- Tỷ lệ chi hoa hồng đại lý.
- Tỷ lệ chi ủy quyền trả thưởng và hồ sơ thực hiện chi trả chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số.
- Mức chi hỗ trợ công tác phòng chống số đề và làm giả vé xổ số.

4. Mức chi đóng góp hoạt động của Hội đồng Xô số kiến thiết khu vực.

5. Chế độ báo cáo của doanh nghiệp kinh doanh xô số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp kinh doanh xô số gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xô số kiến thiết tại các tỉnh, thành phố;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xô số điện toán Việt Nam (sau đây gọi tắt là Vietlott).

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh xô số.

3. Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến cơ chế quản lý tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xô số.

Điều 3. Tỷ lệ chi hoa hồng đại lý

1. Doanh nghiệp kinh doanh xô số có trách nhiệm thực hiện chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xô số theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xô số.

2. Tỷ lệ chi hoa hồng đại lý do doanh nghiệp kinh doanh xô số quyết định, tối đa không vượt quá 15% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xô số (bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về thuế).

Điều 4. Tỷ lệ chi phí ủy quyền trả thưởng và hồ sơ thực hiện chi trả chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xô số

1. Doanh nghiệp kinh doanh xô số có trách nhiệm thanh toán chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xô số theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số /2026/NĐ-CP.

2. Tỷ lệ chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xô số tối đa không quá 0,2% trên giá trị giải thưởng đại lý xô số đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng.

3. Hồ sơ đại lý xô số đề nghị doanh nghiệp kinh doanh xô số thanh toán chi phí ủy quyền trả thưởng gồm:

a) Văn bản đề nghị doanh nghiệp kinh doanh xô số thanh toán chi phí ủy quyền trả thưởng được đại lý xô số ký và đóng dấu (nếu có);

b) Bảng kê tổng hợp giá trị giải thưởng đại lý xổ số đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng kèm theo vé xổ số trúng thưởng gồm các nội dung cơ bản sau:

- b1) Kỳ phát hành vé xổ số hoặc kỳ quay số mở thưởng;
- b2) Số lượng vé xổ số trúng thưởng hợp lệ, đáp ứng đầy đủ các điều kiện lĩnh thưởng theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số; loại giải;
- b3) Tổng giá trị giải thưởng;
- b4) Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ (nếu có);
- b5) Chữ ký và đóng dấu (nếu có) của đại lý xác nhận tính chính xác, trung thực của số liệu.

c) Đối với giá trị giải thưởng thuộc trường hợp khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế hoặc phải báo cáo nhận biết khách hàng, báo cáo giao dịch lớn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, đại lý xổ số lập bảng kê chi tiết gồm các nội dung cơ bản sau:

- c1) Nội dung quy định tại các điểm b1, b2, b3, b4, b5 khoản 3 Điều này;
- c2) Thông tin và giấy tờ pháp lý của khách hàng trúng thưởng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- c3) Chứng từ chứng minh đại lý xổ số đã trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng;
- c4) Chứng từ, tài liệu liên quan đến việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với giá trị giải thưởng thuộc trường hợp chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế;
- d) Biên bản đối chiếu giữa đại lý xổ số với doanh nghiệp kinh doanh xổ số về nội dung quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này.

4. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có thể bổ sung thêm hồ sơ khác theo yêu cầu quản lý nhưng bảo đảm các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, bảo đảm việc đối chiếu, kiểm tra và truy xuất đến từng vé xổ số trúng thưởng, từng khoản chi trả khi cần thiết và phải đáp ứng các nguyên tắc sau:

- a) Việc khấu trừ, khai và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về quản lý thuế;
- b) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện đầy đủ việc định danh, báo cáo cơ quan nhà nước và lưu giữ thông tin, tài liệu đối với các trường hợp phải

nhận biết khách hàng, trả thưởng có giá trị lớn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

c) Thực hiện tổng hợp, lưu trữ và quản lý chứng từ thanh toán chi phí ủy quyền quy định tại khoản 3 Điều này theo quy định của pháp luật về kế toán, bảo đảm việc kiểm tra, đối chiếu và xác định được số tiền, thời điểm, đối tượng và nội dung chi trả.

Điều 5. Mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề, làm giả vé xổ số

1. Mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề và làm giả vé xổ số đảm bảo đúng đối tượng, nguyên tắc chi quy định tại Khoản 5 Điều 4 Nghị định số /2026/NĐ-CP và không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và tổng mức chi cho công tác phòng, chống số đề, làm giả vé xổ số quy định tại Khoản 4 Điều này.

2. Mức chi đối với các vụ án đã có bản án của Tòa án nhân dân tối đa là 50 triệu đồng/vụ án.

3. Mức chi đối với các vụ việc đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt của người vi phạm tối đa bằng 50% số tiền xử phạt vi phạm hành chính nhưng không vượt quá 15 triệu đồng/vụ.

4. Tổng mức chi cho công tác phòng, chống số đề, làm vé xổ số giả quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này trong năm tài chính thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Không vượt quá 1% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số (bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về thuế) đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại khu vực miền Bắc và miền Trung;

b) Không vượt quá 0,1% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số (bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về thuế) đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại khu vực miền Nam và Vielott.

Điều 6. Mức chi đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực

1. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số, Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực có trách nhiệm thực hiện việc đóng góp và quản lý chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số /2026/NĐ-CP.

2. Mức chi đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực của từng doanh nghiệp kinh doanh xổ số do Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực quy định theo thỏa thuận của từng Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực, đảm bảo tối đa không được vượt quá 120 triệu đồng/năm (10 triệu đồng/tháng) đối với từng Hội đồng.

Mức đóng góp này không bao gồm các chi phí trả thưởng, chi phí quay số mở thưởng, chi phí in vé xổ số của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực phát hành vé xổ số truyền thống theo cơ chế liên kết phát hành.

Điều 7. Chế độ báo cáo

1. Ngoài các báo cáo tài chính được lập, gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành, định kỳ hàng quý, kết thúc năm, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải lập và gửi các báo cáo sau:

a) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh (Mẫu số 01/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Báo cáo tình hình tiêu thụ vé (Mẫu số 02/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý xổ số (Mẫu số 03/BCXS tại Phụ lục kèm theo Thông tư này).

d) Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý xổ số và chi ủy quyền trả thưởng của đại lý xổ số (Mẫu số 04/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước (Mẫu số 05/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

e) Báo cáo doanh thu thực tế phát sinh theo từng địa bàn tỉnh, thành phố có phát hành xổ số điện toán và tình hình phân bổ, nộp ngân sách các tỉnh hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán của Vietlott (Mẫu số 06/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Các báo cáo quy định tại Thông tư này được gửi Bộ Tài chính và cơ quan đại diện chủ sở hữu cùng thời điểm gửi các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính có yêu cầu thực hiện báo cáo đột xuất, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

3. Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh xổ số chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm

2. Bãi bỏ Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban thuộc QH;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục KTVH và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, ĐCTC (300 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày / /2026 của Bộ Tài chính)

Mẫu số 01	Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh
Mẫu số 02	Báo cáo tình hình tiêu thụ vé
Mẫu số 03	Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo thanh toán của đại lý xổ số
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý và chi ủy quyền trả thưởng
Mẫu số 05	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước
Mẫu số 06	Báo cáo tình hình doanh thu phát sinh theo từng địa bàn và tình hình phân bổ nguồn thu ngân sách cho từng địa phương

CÔNG TY.....

Mẫu số 01/BCXS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ báo cáo: Quý .../Năm.....

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN TRONG KỲ	SỐ CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC %	LŨY KẾ
1	2	3	4	5
A	DOANH THU			
I	Hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống			
1	Doanh thu xổ số truyền thống			
2	Doanh thu xổ số cào			
3	Doanh thu xổ số bốc			
4	Doanh thu xổ số Lô tô			
5	Doanh thu xổ số điện toán (Công ty XSĐT Thủ đô)			
II	Hoạt động kinh doanh xổ số điện toán			
1	Xổ số tự chọn số theo ma trận			
2	Xổ số tự chọn số theo dãy số			
3	Xổ số tự chọn quay số nhanh			
4	Xổ số điện toán khác (theo QĐ của BTC)			
III	Hoạt động kinh doanh khác			
1	Doanh thu từ HĐKD khác			
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính			
3	Thu nhập khác			
B	CHI PHÍ			
I	Chi phí nghiệp vụ kinh doanh xổ số			
1	Chi phí trả thưởng			
1.1	Chi trả thưởng xổ số truyền thống			
1.1.1	Xổ số truyền thống			
1.1.2	Xổ số cào			
1.1.3	Xổ số bốc			
1.1.4	Xổ số Lô tô			
1.1.5	Xổ số điện toán (Công ty XSKT Thủ Đô)			
1.2	Chi trả thưởng xổ số điện toán			
1.2.1	Xổ số tự chọn số theo ma trận			
1.2.2	Xổ số tự chọn số theo dãy số			
1.2.3	Xổ số tự chọn quay số nhanh			

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN TRONG KỶ	SỐ CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC %	LŨY KẾ
1.2.4	Xỏ số điện toán khác (theo QĐ của BTC)			
2	Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng			
	Trong đó:			
2.1	Số đã trích			
2.2	Số sử dụng			
3	Chi hoa hồng đại lý			
4	Chi ủy quyền trả thưởng			
5	Chi phí khác			
II	Chi phí hoạt động kinh doanh khác			
C	THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN			
I	Các khoản phải nộp			
1	Thuế giá trị gia tăng			
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
3	Thuế TNDN			
4	Các khoản thuế khác			
5	Nộp sau khi trích lập các quỹ			
6	Thuế của đại lý/người trúng thưởng			
II	Các khoản đã nộp			
1	Thuế giá trị gia tăng			
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
3	Thuế TNDN			
4	Các khoản thuế khác			
5	Nộp sau khi trích lập các quỹ			
6	Thuế thu hộ từ đại lý và người trúng thưởng			
D	KẾT QUẢ KINH DOANH (LÃI/LỖ)			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng ... năm...
Người đại diện pháp luật hoặc người
được ủy quyền
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY.....

Mẫu số 02/BCXS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIÊU THU VÉ

Kỳ báo cáo: Quý .../Năm.....

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	PHÁT SINH TRONG KỲ			SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC (%)		
		Số lượng vé phát hành	Số lượng vé tiêu thụ	Tỷ lệ tiêu thụ	Số lượng vé phát hành	Số lượng vé tiêu thụ	Tỷ lệ tiêu thụ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8
1	Xổ số truyền thống						
	Mệnh giá....						
2	Xổ số cào						
	Mệnh giá...						
3	Xổ số bốc						
	Mệnh giá						
4	Xổ số Lô tô						
	Mệnh giá....						
5	Xổ số điện toán (Công ty XSKT Thủ Đức)						
	Mệnh giá...						
6	Xổ số tự chọn số điện toán (Công ty XSĐT Việt Nam)						
	Mệnh giá...						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng ... năm...
Người đại diện pháp luật hoặc người
được ủy quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Kỳ báo cáo: Quý .../Năm.....

Đơn vị tính: Đồng

[illegible]

Ghi chú: Nợ quá hạn được tính trên cơ sở giới hạn kỳ hạn nợ.

Ngày... tháng ... năm...

**Người đại diện pháp luật hoặc
người được ủy quyền**
(Ký tên, đóng dấu)

Kỳ báo cáo: Quý .../Năm.....

Ngày... tháng ... năm...
**Người đại diện pháp luật hoặc
 người được ủy quyền**
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY.....

Mẫu số 05/BCXS

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN
VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM...**

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ	
		Năm trước	Năm nay
I	Các chỉ tiêu		
1	Tổng lợi nhuận trước thuế		
2	Vốn chủ sở hữu bình quân (gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu mã số 411 + Quỹ đầu tư phát triển mã số 417 + nguồn vốn đầu tư XDCB mã số 421		
3	Vốn huy động bình quân		
4	Chỉ tiêu tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu		
	Năm trước (%)		
	Năm nay (%)		
5	Số phải nộp ngân sách phát sinh		
	Năm trước (%)		
	Năm nay (%)		
6	Quỹ lương thực hiện năm		
7	Thu nhập bình quân người/tháng		
	Chủ tịch công ty		
	Tổng Giám đốc		
	Phó Tổng Giám đốc		
8	Tổng số lao động bình quân năm ...		
II	Phân phối lợi nhuận		
1	Thuế TNDN		
2	Trích Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng		
3	Quỹ đầu tư phát triển		
4	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành		
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng ... năm...
**Người đại diện pháp luật hoặc
người được ủy quyền**
(Ký tên, đóng dấu)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN VIỆT NAM**

Mẫu số 06/BCXSĐT

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH DOANH THU PHÁT SINH THEO TỪNG ĐỊA BÀN VÀ
TÌNH HÌNH PHÂN BỐ NGUỒN THU NGÂN SÁCH CHO TỪNG ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý .../Năm.....

Đơn vị tính: Đồng

STT	Địa bàn tỉnh, thành phố	Tổng doanh thu thực tế	Doanh thu thực tế theo địa bàn	Tỷ lệ doanh thu tiêu thụ trên địa bàn (4/3) *100%	Thuế GTGT	Thuế TTĐB	Thuế TNDN	Thuế TNCN	Khoản thu TC sau khi trích lập các quỹ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Tỉnh, thành phố...								
2	Tỉnh, thành phố...								

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng ... năm...
**Người đại diện pháp luật hoặc
người được ủy quyền**
(Ký tên, đóng dấu)